

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18-6-2020
*V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
giữa bà L và ông H”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nga

2- Bà Nguyễn Thị Hằng Nga

- *Thư ký Tòa án:* Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Luyện- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 544/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1997, có mặt

Địa chỉ: Tổ 02, ấp TR, xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Anh Tăng Sơn H, sinh năm 1994, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 02, ấp TR, xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11-9-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày: Về hôn nhân: Chị L và anh Tăng Sơn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã ĐC, huyện ĐL, tỉnh BT vào ngày 05-10-2016 (Giấy đăng ký số 50/2016). Vợ chồng chung sống đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu

thuần, do anh H không có trách nhiệm với gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, thỉnh thoảng đánh nhau. Năm 2018, chị L làm đơn xin ly hôn, nhưng vì nghĩ đến gia đình nên đã rút đơn. Đến khoảng tháng 10 năm 2019, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Chị L xin ly hôn anh H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung Tăng Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 09-3-2017, chị L yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tăng Sơn H là bị đơn nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kết quả xác minh tại ấp TR, xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác định anh chị có hộ khẩu tại địa phương, nhưng anh H thường xuyên không có ở nhà. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhưng địa phương không biết nguyên nhân, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L ly hôn; về nuôi con chung, chấp nhận cho chị L nuôi con, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; về chia tài sản chung, chị L không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận định:

[2] *Về tố tụng:*

[2.1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; bị đơn cư trú tại xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] *Về xét xử vắng mặt:* Anh Tăng Sơn H là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Tăng Sơn H là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày, vợ chồng chung sống đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh H không có trách nhiệm với gia đình, vợ

con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, thỉnh thoảng xô xát nhau. Năm 2018, chị L làm đơn xin ly hôn, nhưng vì nghĩ đến gia đình nên đã rút đơn. Đến năm 2019, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Chị L xin ly hôn anh H. Tại biên bản xác minh ngày 20-9-2019 xác định anh chị có mâu thuẫn, cãi vã. Cho thấy, mâu thuẫn của anh chị là có thật. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị L ly hôn anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về nuôi con chung*: Anh chị có 01 con chung, đang ở cùng chị L, để ổn định cuộc sống cho cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị L được nuôi con chung, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[3.3] *Về chia tài sản chung*: Chị L không yêu cầu nên không xét đến.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về hôn nhân, về nuôi con chung, về chia tài sản chung là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Tăng Sơn H.

2. *Về nuôi con chung*: Chị L trực tiếp nuôi cháu Tăng Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 09-3-2017; chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; anh H có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0001357 ngày 13-9-2019 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện X; chị L đã nộp đủ; anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- THA huyện X;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Trần Hiền